

Số: 2289/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2548/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khoá XIX, kỳ họp thứ chín;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 634/TTr-STC ngày 09/12/2022 về việc quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023 và áp dụng cho năm ngân sách 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP2, VP5, VP6. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

**Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định**

(Kèm theo Quyết định số: 2289/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định)

Chương I

PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách

1. Việc phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cấp ngân sách được thực hiện theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021, Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu thu ngân sách, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương làm tốt công tác giao dự toán thu cho các xã, phường, thị trấn và các đơn vị trực thuộc đảm bảo mức phấn đấu tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Ngoài việc giao dự toán thu ngân sách; các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao nhiệm vụ thu sự nghiệp cho các đơn vị trực thuộc (nếu có).

3. Việc phân bổ và giao dự toán thu ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) năm 2023 phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2022; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; tăng cường đôn đốc thu tiền nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

Cơ quan quản lý trực tiếp người nộp thuế, chịu trách nhiệm thực hiện quản lý thu tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công do doanh nghiệp sử dụng lao động trực tiếp chi trả cho người lao động, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp... phát sinh của người nộp thuế.

Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 không điều chuyển quản lý người nộp thuế giữa Cục Thuế với các Chi cục Thuế; giữa các Chi cục Thuế với nhau và ngược lại (trừ doanh nghiệp do Chi cục Thuế đang quản lý thu trong thời kỳ ổn định ngân sách có phát sinh hoàn thuế giá trị gia tăng xuất khẩu liên tục và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Điều 2. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển

1.1. Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương

a) Vốn trong nước:

- Bố trí vốn khởi công mới 05 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội:

- + Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng;
- + Đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nam Định;
- + Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 66 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Nam Định;
- + Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Nam Định;
- + Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định.

- Bố trí cho 02 dự án thuộc các ngành, lĩnh vực:

+ Bố trí cho 01 dự án giao thông trọng điểm Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình;

+ Bố trí hết kế hoạch trung hạn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 còn lại của 01 dự án chuyển tiếp: Đầu tư Xây dựng cảng cá Quần Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Bố trí vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

b) Vốn nước ngoài:

Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp: Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương LRAMP (phần sử dụng vốn dự).

Trường hợp các dự án sử dụng vốn vay đã được giao kế hoạch vốn giải ngân thấp hơn dự toán được giao thì được phép điều chuyển vốn vay cho dự án vay mới phát sinh thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 chưa có trong danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền giao đầu năm, song phải đảm bảo tổng số vốn vay nước ngoài của tất cả các chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay được giao; đồng thời số vốn vay của từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư.

1.2. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Phần tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành:

- Bố trí vốn để chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản

khác.

- Bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực:
- + Chi trả nợ lãi vay, phí của 03 dự án ODA.
- + Bố trí thu hồi vốn ứng từ Quỹ phát triển đất của 02 dự án.
- + Bố trí vốn lập Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- + Bố trí vốn đối ứng 03 dự án ODA.
- + Bố trí vốn đầu tư 05 dự án trọng điểm: (1) Đầu tư xây dựng khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định; (2) Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - đường bộ ven biển; (3) Xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định; (4) Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định; (5) Dự án quốc phòng (Mật danh STN-NĐ-20).
- + Đối với các dự án thuộc danh mục ngân sách tỉnh và các dự án không còn được bố trí vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2023: Bố trí khoảng 50% phần vốn ngân sách tỉnh còn thiếu so với khối lượng thực hiện đến 31/10/2022 của 17 dự án hoàn thành chưa quyết toán; Bố trí khoảng 30% phần vốn ngân sách tỉnh còn thiếu so với khối lượng thực hiện đến 31/10/2022 của 47 dự án chuyển tiếp (Trong đó có 26 dự án không thiếu vốn so với khối lượng thực hiện đến 31/10/2022; Bố trí cho mỗi dự án 500 triệu đồng); Bố trí vốn cho 04 dự án khởi công mới; Tạm thời chưa bố trí vốn kế hoạch năm 2023 cho 09 dự án không có khả năng giải ngân; dự án đã hoàn thành, dự án tạm dừng thực hiện hoặc tạm dừng tại điểm dừng kỹ thuật có số vốn còn thiếu dưới 1,0 tỷ đồng chưa bố trí vốn để chờ quyết toán.

b) Phần các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất được quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 và Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư trên địa bàn thành phố Nam Định (cấp lại 100% phần điều tiết ngân sách tỉnh để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn thành phố Nam Định): Bố trí cho GPMB và đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; bố trí cho các dự án, công trình trên địa bàn thành phố Nam Định.

- Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư trên địa bàn các huyện: Bố trí cho GPMB và đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; bố trí cho các dự án tỉnh quyết định đầu tư; bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện.

1.3. Chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu tiền sử dụng đất

Thực hiện theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 và

Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó cần chú ý một số nội dung sau:

a) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (trừ các khu đất đã được đầu tư hạ tầng hoặc có kế hoạch đầu tư hạ tầng); thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất được quản lý, sử dụng như sau:

- Phần điều tiết ngân sách tỉnh: Chi cho các dự án, công trình do tỉnh quyết định đầu tư.

- Phần điều tiết ngân sách huyện, thành phố: Dành tối thiểu 10% để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn không có nguồn thu tiền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Ngân sách tỉnh không hỗ trợ thêm cho các địa phương). Số còn lại để chi cho các dự án, công trình trên địa bàn huyện, thành phố; trong đó ưu tiên thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), bố trí vốn đối ứng cho các công trình, dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; bố trí cho các công trình, dự án chuyển tiếp, khởi công mới trong khả năng cân đối vốn, không làm phát sinh nợ đọng XDCB trên địa bàn.

- Phần điều tiết ngân sách xã, thị trấn: Dành tối thiểu 10% để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã, thị trấn theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Ngân sách tỉnh không hỗ trợ thêm cho các địa phương). Số còn lại để chi cho các dự án, công trình trên địa bàn xã, thị trấn; trong đó ưu tiên thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), bố trí vốn đối ứng cho các dự án, công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; bố trí cho các dự án, công trình chuyển tiếp, khởi công mới trong khả năng cân đối vốn, không làm phát sinh nợ đọng XDCB trên địa bàn.

b) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư:

- Ưu tiên thanh toán kinh phí giải phóng mặt bằng, chi đầu tư xây dựng hạ tầng các công trình thuộc dự án; phần còn lại mới thanh toán cho các dự án, công trình của tỉnh và cấp lại để đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn huyện, thành phố theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 và Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với phần bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện: Các huyện chủ động dự kiến danh mục công trình, dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng công trình, dự án (trong đó lưu ý thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản và bố trí vốn đối ứng cho các công trình, dự án thuộc Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới), trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua và ban hành quyết định giao kế hoạch vốn năm 2023 theo quy định; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, quản lý.

2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên

2.1. Nguyên tắc chung

a) Dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2023 trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 54/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương (ngân sách Trung ương đảm bảo) và tỉnh ban hành tính đến thời điểm HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh và kế hoạch đầu tư công tỉnh Nam Định năm 2023.

c) Dự toán phân bổ chi ngân sách đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, các khoản phụ cấp theo quy định. Kinh phí tăng (giảm) do thay đổi biên chế được giao năm 2022 so với năm 2021 của các cơ quan có thẩm quyền quyết định.

d) Dự toán giao chi thường xuyên ngân sách các huyện, thành phố được giao tổng mức, trong đó giao mức chi tối thiểu đối với các lĩnh vực: Sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp đào tạo, sự nghiệp khoa học và công nghệ, sự nghiệp môi trường, chi đảm bảo xã hội; các lĩnh vực còn lại Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

đ) Dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi được giao trên cơ sở khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi năm 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 và tạm áp dụng đơn giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021, giá muối thành phẩm theo Văn bản 393/UBND-VP6 ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh, sản lượng muối tính trung bình 100 tấn/ha/năm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào dự toán tạm tính để thực hiện đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi thuộc tỉnh. Trong năm, khi có hướng dẫn cụ thể của Trung ương sẽ điều chỉnh đơn giá và dự toán cho phù hợp.

e) Bố trí kinh phí đối ứng để thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia: Xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững theo quy định của Trung ương.

g) Dự toán chi ngân sách nhà nước của các sở, ban, ngành, đoàn thể: Dự toán đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ

cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Ngoài ra, thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước khối tỉnh để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác.

h) Dự toán chi ngân sách nhà nước các huyện, thành phố:

- Ngân sách tỉnh đã trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Dự toán năm 2023 các huyện, thành phố thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của ngân sách cấp huyện.

i) Đối với khoản thu học phí (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố. Các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí, lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ, không thuộc nguồn thu NSNN, không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN. Tuy nhiên, các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện tạo nguồn từ nguồn thu học phí và các khoản thu khác được để lại chi theo chế độ để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

k) Chi thường xuyên (không bao gồm chi thực hiện cải cách tiền lương và tinh giản biên chế): Thực hiện triệt để, tiết kiệm gắn với sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 và Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị.

2.2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố: Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh:

+ Khi phân bổ, giao dự toán chi sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể cho các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo theo quy định trên.

+ Giao đủ khoản kinh phí tăng 3% chi hoạt động (không bao gồm lương, các chế độ đặc thù), kinh phí mua phần mềm quản lý tài sản dưới 500 triệu đồng và kinh phí nâng cấp đường truyền chuyên dụng cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phục vụ hoạt động chuyên môn...

- Đối với các huyện, thành phố:

+ Phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã đối với các lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, môi trường, chi đảm bảo xã hội và chi thường xuyên ngân sách cấp xã không thấp hơn mức dự toán chi ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao; đảm bảo khớp đúng dự toán chi cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật. Chủ động sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp năm 2022 chuyển sang và phân đầu tăng thu năm 2023 để chia sẻ trách nhiệm trong bảo đảm các nhiệm vụ chi tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành. Trường hợp nguồn thu cân đối ngân sách địa phương năm 2023 giảm lớn, trong khi dự toán thu tiền sử dụng đất tăng lớn, thì phải chủ động cơ cấu lại chi đầu tư phát triển của địa phương theo hướng giảm chi đầu tư bố trí từ nguồn cân đối ngân sách địa phương (không kể chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất) và tăng chi tương ứng chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất; tạo nguồn để cân đối các nhiệm vụ chi thường xuyên do giảm thu cân đối ngân sách địa phương.

+ Giao đủ khoản kinh phí tăng 3% chi hoạt động (không bao gồm lương, các chế độ đặc thù), kinh phí mua phần mềm quản lý tài sản dưới 500 triệu đồng và kinh phí nâng cấp đường truyền chuyên dụng cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã để thực hiện công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phục vụ hoạt động chuyên môn...

- Chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương tập trung cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện vùng khó khăn, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

- Sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn địa phương để chi cho các lực lượng thanh tra giao thông, Ban an toàn giao thông các cấp...phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (không thực hiện hỗ trợ lực lượng công an do Bộ Công an đảm bảo kinh phí cho lực lượng này).

- Chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn

tài chính hợp pháp khác để thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ thuộc trách nhiệm của địa phương theo phân cấp.

- Sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Ưu tiên bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; bố trí kinh phí thực hiện các dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý.

b) Căn cứ dự toán ngân sách giao năm 2023, các huyện, thành phố chủ động bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ Trung ương và tỉnh ban hành đến thời điểm giao dự toán ngân sách năm 2023; nhất là kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội để các đối tượng được hưởng chính sách ngay từ đầu năm 2023.

c) Trong năm, căn cứ vào nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương, ngân sách tỉnh sẽ cấp bổ sung, hỗ trợ cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị có liên quan và ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện một số chế độ chính sách sau:

- Kinh phí để thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo cơ chế đã được ban hành và còn hiệu lực thi hành.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án quy hoạch theo quy định.

- Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi cho các tổ chức thủy lợi cơ sở thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu, cấp nước đối với diện tích thuộc UBND cấp huyện quản lý.

- Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có bằng tốt nghiệp sau Đại học theo Nghị quyết số 76/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND tỉnh.

- Kinh phí chi trả tiền lương, phụ cấp của số biên chế giáo viên năm 2023 tăng thêm so với năm 2022 của các đơn vị khối tỉnh và UBND các huyện, thành phố trên cơ sở số bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương, Nghị quyết của HĐND tỉnh về giao chỉ tiêu biên chế, thời điểm thực tế tuyển dụng, nhu cầu kinh phí thực tế chi trả đối với số giáo viên này.

- Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng là người nghèo, các đối tượng thuộc hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi; các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật; các đối tượng cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính phủ; đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg; đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ mua thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên; các đối tượng thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, Dân công hỏa tuyến theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg; đối tượng hiến bộ phận cơ thể người;...

- Kinh phí tặng kèm theo Huy hiệu Đảng theo Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban chấp hành Trung ương; kinh phí chi mua sắm trang thiết bị có giá trị lớn theo quy định cho các cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể; kinh phí chi nhiệm vụ đột xuất phát sinh được tính giao và chi cho các nhiệm vụ quản lý hành chính khác.

- Kinh phí mua sắm trang phục dân quân tự vệ, trang phục của lực lượng công an thường trực cấp xã.

- Kinh phí hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân và hoạt động của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định theo Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh.

- Kinh phí hỗ trợ thanh toán tiền điện công cộng cho thành phố Nam Định (Giao Sở Tài chính căn cứ vào báo cáo, biên lai tiền điện của UBND thành phố tiến hành cấp bổ sung mục tiêu cho ngân sách thành phố để thanh toán).

- Kinh phí chi phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông.

- Kinh phí để bổ sung nguồn vốn uỷ thác từ ngân sách tỉnh qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975 theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trẻ em, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Nam Định theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Kinh phí tăng thêm do thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2023 theo Nghị quyết của Quốc hội.

- Kinh phí chương trình mục tiêu: Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em

mẫu giáo, kinh phí thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí thực hiện chính sách đối với người khuyết tật...

- Các khoản kinh phí khác theo quy định (nếu có).

3. Dự phòng ngân sách: Năm 2023, bố trí dự phòng ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và đảm bảo không thấp hơn số Thủ tướng Chính phủ giao (đối với ngân sách cấp tỉnh) và không thấp hơn số Ủy ban nhân dân tỉnh giao (đối với ngân sách cấp huyện, cấp xã) để chủ động sử dụng cho các nội dung chi quy định tại khoản 2, Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố giao kế hoạch vốn đầu tư chi tiết cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016.

5. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2023, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 2 phần: Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ, dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ. Sau khi phương án tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

7. Ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán hướng dẫn tại Quyết định này, các các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố thực hiện đúng quy định liên quan khác của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện chế độ tiền lương, trợ cấp trong năm 2023

- Thực hiện theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội, từ ngày 01/7/2023 điều chỉnh mức tiền lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí; các khoản thu khác được để lại chi theo chế độ quy định.

- Ngoài ra các huyện, thành phố phải sử dụng:

+ 70% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) thực hiện năm 2022 so với dự toán năm 2022 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

+ 70% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) dự toán năm 2023 so với dự toán năm 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

+ Nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang.

Điều 4. Thời gian phân bổ, giao dự toán và nhập dự toán vào hệ thống Tabmis

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đến từng đơn vị sử dụng ngân sách; Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, quyết định phân bổ dự toán ngân sách

cấp mình đến từng đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy trình, yêu cầu và thời hạn quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp xã và thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên theo từng Loại, Khoản của Mục lục ngân sách nhà nước ban hành theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách trước ngày 31/12/2022 và tổ chức thực hiện công khai dự toán ngân sách đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách địa phương về Sở Tài chính chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được Ủy ban nhân dân giao, đơn vị dự toán cấp I của ngân sách tỉnh và các cấp ngân sách địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo đúng quy định. Riêng đối với việc phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Trong đó lưu ý một số điểm sau:

a) Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định, hồ sơ thuyết minh không đầy đủ thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại, bổ sung hồ sơ.

Thời gian đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh, bổ sung hồ sơ chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính.

b) Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính cùng cấp thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp để xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ ý kiến quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì đơn vị không được phép chi đối với các nội dung cơ quan tài chính không thống nhất.

c) Trường hợp sau ngày 31/12/2022 đơn vị dự toán cấp I chưa phân bổ xong dự toán được giao, đơn vị phải báo cáo với cơ quan tài chính cùng cấp để

xem xét, quyết định việc cho phép kéo dài thời gian phân bổ dự toán. Thời gian phân bổ dự toán kéo dài chậm nhất đến ngày 31/01/2023; quá thời hạn này, cơ quan tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán chi của đơn vị để bổ sung vào dự phòng ngân sách theo quy định của Chính phủ. Trường hợp do nguyên nhân khách quan, vượt quá thẩm quyền của đơn vị như chưa có phê duyệt của cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy, cơ chế thực hiện nhiệm vụ...; đơn vị dự toán cấp I phải dự kiến thời hạn hoàn thành để cơ quan tài chính cho kéo dài thời gian phân bổ, song chậm nhất không quá ngày 31/3/2023; quá thời hạn này, dự toán còn lại chưa phân bổ sẽ điều chỉnh giảm dự toán chi của đơn vị để bổ sung vào dự phòng ngân sách theo quy định.

d) Khi phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp I phải thực hiện phân bổ để hoàn trả các khoản đã được tạm ứng, các khoản phải thu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp đơn vị không phân bổ dự toán cho các khoản phải thu hồi này, cơ quan tài chính có văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị để phân bổ lại, đồng thời thông báo cho cơ quan Kho bạc Nhà nước cùng cấp để tạm thời chưa cấp kinh phí cho đến khi nhận được bản phân bổ theo đúng quy định trên.

đ) Ngoài ra, trường hợp các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cùng cấp cho phép thực hiện, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và tình hình thực tế ở địa phương thực hiện một trong hai phương án như sau:

- Sau khi Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và dự kiến nhiệm vụ giao cho các đơn vị để thực hiện giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời, trong quyết định giao dự toán ghi rõ các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện và chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh trường hợp có đơn vị thừa, đơn vị thiếu kinh phí, thì đơn vị dự toán cấp I thực hiện việc điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

4. Việc nhập dự toán vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI NSNN

Điều 5. Tổ chức quản lý thu ngân sách

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực thi hành. Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các Luật Thuế và các quy định liên quan đến mở rộng cơ sở thu, chống xói mòn nguồn thu.

b) Tập trung chỉ đạo quyết liệt để thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy nhanh thực hiện hóa đơn điện tử; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định; chỉ đạo người đại diện phần vốn Nhà nước đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước số thu cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Cơ quan Thuế, Hải quan tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, trong đó tập trung vào các lĩnh vực thu từ đất đai, khoáng sản; thu từ các dự án hết thời gian ưu đãi, thu từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số...

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Khẩn trương tổ chức việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

Điều 6. Tổ chức quản lý, điều hành chi ngân sách

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; trong đó lưu ý thực hiện một số nội dung sau:

1. Các khoản chi từ nguồn vốn vay và viện trợ thực hiện việc giải ngân, kiểm soát chi theo nguyên tắc:

- Đối với dự toán chi từ nguồn vốn vay, viện trợ bằng tiền: Thực hiện đúng dự toán được giao và cơ chế thực hiện như nguồn vốn trong nước (trừ trường hợp hiệp định có quy định khác thì thực hiện theo hiệp định).

- Đối với dự toán chi từ nguồn vốn vay, viện trợ theo phương thức ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước: Thực hiện trong phạm vi dự toán được giao và theo tiến độ giải ngân thực tế của từng dự án.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính để chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án, công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là các dự án xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chống biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2023 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

4. Đối với số thu tiền sử dụng đất và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các huyện, thành phố cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách huyện, thành phố không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

5. Các cấp, các ngành chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản mua sắm, sửa chữa chặt

chế, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm.

Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2023, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện thanh toán, chi trả không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

6. Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện giảm mức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở mức điều chỉnh giá dịch vụ công, sử dụng số nguồn kinh phí giảm chi để bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương và thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành; tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng.

7. Các cấp, các ngành (nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, xử lý môi trường, dạy nghề) phải chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện sớm ngay trong những tháng đầu năm nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị, kinh phí có mục tiêu đã ghi trong dự toán.

8. Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo quy định và tiến hành công khai tài chính tại các đơn vị.

9. Đối với nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước phát sinh tăng thêm để thực hiện các chế độ, chính sách nhưng chưa được bố trí ổn định trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách huyện, thành phố năm 2023 (như: chính sách hỗ trợ cấp bù học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo; các chính sách an sinh xã hội phát sinh tăng do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 01 tháng 07 năm 2023, chi trả tiền lương đối với số biên chế giáo viên tăng thêm năm 2023 so với năm 2022 được HĐND tỉnh giao,...): Các địa phương chủ động rà soát, chi trả kịp thời cho đối tượng thụ hưởng theo quy định, đồng thời tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính để trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí.

10. Đối với các khoản kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu Quốc gia được cấp có thẩm quyền giao dự toán đầu năm; Kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm: Trường hợp không sử dụng hết, nếu không được phép chuyển nguồn theo quy định, UBND cấp huyện, cấp xã thực

hiện hoàn trả ngân sách cấp trên theo đúng quy định; không được chi cho các nội dung khác.

Điều 7. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách: Căn cứ dự toán ngân sách năm 2023 được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán chi theo chế độ, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

a) Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước.

b) Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

c) Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chi phát sinh vào một số thời điểm phân bổ cho các đơn vị phát sinh vụ việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đảm bảo hồ sơ cấp kinh phí bồi thường theo đúng quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác: Thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện đối với các khoản chi có hợp đồng và thực hiện thanh toán theo chế độ quy định đối với các khoản chi không có hợp đồng; đảm bảo việc chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

2. Thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi sau:

a) Chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các đơn vị được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật.

b) Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

- Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Căn cứ dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được cấp có thẩm quyền giao, thông báo của cơ quan tài chính cấp trên và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, hàng tháng cơ quan tài chính huyện, xã chủ động rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện, trong đó:

+ Đối với khoản bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm. Trường hợp cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định; phần dự toán còn lại chia đều các tháng còn lại trong năm để rút.

+ Đối với bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã, mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu nhiệm vụ chi quy định mức rút dự toán hàng tháng của ngân sách cấp xã cho phù hợp thực tế địa phương.

+ Căn cứ giấy rút dự toán của phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã; Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố kiểm tra các điều kiện: Đã có trong dự toán được giao, trong giới hạn rút vốn hàng tháng, sau đó hạch toán chi ngân sách cấp trên, thu ngân sách cấp dưới theo đúng nội dung khoản chi bổ sung và mục lục Ngân sách nhà nước.

- Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thực hiện như sau: Căn cứ quyết định bổ sung mục tiêu của cấp có thẩm quyền; cơ quan tài chính cấp trên có văn bản thông báo số bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới. Căn cứ vào văn bản thông báo của cơ quan tài chính cấp trên, Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Căn cứ vào giấy rút dự toán ngân sách của của phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã; Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các điều kiện: Đã có trong quyết định của cấp có thẩm quyền bổ sung và trong giới hạn rút vốn theo văn bản thông báo của cơ quan tài chính cấp trên; sau đó hạch toán chi ngân sách cấp trên, thu ngân sách cấp dưới theo đúng nội dung chi bổ sung có mục tiêu và mục lục ngân sách nhà nước.

- Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng sau, Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước khối lượng thực hiện theo chế độ quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp phát hiện các địa phương rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước địa phương có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp biết, đồng thời tạm dừng cho rút dự toán chi bổ sung cân đối, chi bổ sung có mục tiêu không đúng quy định.

- Hết năm ngân sách, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện rút kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách, chậm nhất đến ngày 31/01/2024. Trường hợp địa phương không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không đúng và đầy đủ theo quy định, Sở Tài chính sẽ tạm dừng cấp kinh phí bổ sung cân đối cho địa phương, cho đến khi địa phương có báo cáo đầy đủ.

3. Thực hiện cấp bằng hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

Khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp phát, trong vòng 5 ngày làm việc cơ quan tài chính kiểm tra, xem xét đủ các điều kiện chi theo quy định và lập lệnh chi tiền trên hệ thống Tabmis (ngân sách tỉnh do Sở Tài chính nhập, ngân sách

huyện do phòng Tài chính - Kế hoạch nhập). Kho bạc Nhà nước trong phạm vi 02 ngày làm việc có trách nhiệm in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống và thực hiện thanh toán cho đơn vị thụ hưởng ngân sách theo đúng nội dung ghi trên lệnh chi tiền và đúng chế độ quy định. Riêng lệnh chi tiền của ngân sách xã do Ủy ban nhân dân xã gửi bản giấy đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp thanh toán, nhưng để đảm bảo yêu cầu về tính chất và tiến độ công việc, cơ quan tài chính thực hiện tạm cấp theo chế độ quy định, hoặc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền; căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc cấp tiền mặt theo chế độ quy định để chi trả, thanh toán cho tổ chức, cá nhân được hưởng ngân sách trong phạm vi thời gian chế độ quy định. Trường hợp các chứng từ không đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp hoặc không đúng các nhiệm vụ chi theo quy định thì chậm nhất 01 ngày (kể từ ngày nhận được chứng từ) phải có thông báo cho cơ quan tài chính biết để xử lý.

4. Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

Điều 8. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

1. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại.

3. Trường hợp điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên, kinh phí chi bằng nội tệ sang chi bằng ngoại tệ, điều chỉnh tăng hoặc giảm dự toán của nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao nhưng đã được ghi chú kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm;

đơn vị cần phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp để đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao trước khi ban hành quyết định điều chỉnh dự toán. Thời hạn đơn vị gửi cơ quan tài chính đề nghị điều chỉnh dự toán chậm nhất trước ngày 30 tháng 10 năm hiện hành.

4. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống Tabmis theo quy định.

5. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

Điều 9. Công tác quản lý ngân sách xã

Dự toán năm 2023 giao cho ngân sách cấp xã qua ngân sách huyện, thành phố đã bao gồm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước và của tỉnh ban hành như: Kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 09-QĐ/TW ngày 22/9/2017 của Ban chấp hành Trung ương; Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương; kinh phí để chi chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban chấp hành Trung ương; chi phụ cấp đại biểu và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn; Kinh phí đảm bảo cho chi hoạt động thường xuyên của quản lý hành chính cấp xã; Kinh phí đảm bảo tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương của cán bộ và công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; kinh phí chi phụ cấp, mua thẻ BHYT (4,5% mức lương cơ bản, tính hỗ trợ tăng 1,5% mức lương cơ bản so với quy định) của cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, xóm, tổ dân phố theo số lượng và mức chi tại Nghị quyết số 53/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và kinh phí trích nộp Bảo hiểm xã hội (14% mức lương cơ sở) cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo Luật BHXH năm 2014; bố trí 100% kinh phí chi phụ cấp cho cán bộ là thường trực Mặt trận Tổ quốc, Ban thường vụ các đoàn thể chính trị cấp xã (phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên); Bí thư chi đoàn, chi hội trưởng: Hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội nông dân ở thôn (xóm), tổ dân phố theo Nghị quyết số 108/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008, Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011, Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND tỉnh; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ; đảm bảo chế độ phụ cấp, mua thẻ BHYT, trích nộp BHXH (nếu có) đối với lực lượng công an thường trực cấp xã, Trưởng, phó ban bảo vệ dân phố, bảo vệ dân phố, Công an viên ở thôn; kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ; kinh phí đảm bảo mức phụ cấp hàng tháng đối với cán bộ kỹ thuật Ban nông nghiệp xã theo Quyết định số

1680/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của UBND tỉnh; chi trợ cấp hàng tháng theo Thông tư số 02/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ, mua thẻ BHYT và chi mai táng phí cho cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng; kinh phí mua phần mềm quản lý tài sản dưới 500 triệu ... Khi giao dự toán thu, chi cho ngân sách cấp xã, các huyện, thành phố chú ý giao các nguồn thu tại xã, thu điều tiết và bổ sung cân đối để thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đã ban hành. Điều hành chi ngân sách trong năm chú ý phải ưu tiên trước hết chi cho con người như lương, phụ cấp, sinh hoạt phí...

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm theo dõi sát tình hình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; kiểm soát tình hình công nợ ngân sách xã, có biện pháp xử lý công nợ làm lành mạnh tình hình tài chính ngân sách xã. Kiên quyết không đầu tư mới các công trình khi chưa có nguồn vốn đảm bảo.

Điều 10. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau

Các huyện, thành phố rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Điều 11. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

1. Ngoài việc thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo quy định tại Quyết định này; các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

2. Hàng quý các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 12. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Giao Sở Tài chính kiểm tra việc thiết lập và vận hành chuyên mục “Công khai

ngân sách” trên Cổng/Trang Thông tin điện tử đảm bảo đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai theo quy định; thực hiện báo cáo điện tử trên hệ thống Cổng Công khai ngân sách của Bộ Tài chính (<http://ckns.mof.gov.vn>) đối với các nội dung quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 19 Thông tư số 343/2016/TT-BTC và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 3785/BTC-NSNN ngày 09/4/2021 của Bộ Tài chính.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

6. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Trên đây là quy định một số điểm về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định. Những nội dung chưa đề cập trong văn bản này được thực hiện theo các văn bản của nhà nước. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện các quy định trên, phấn đấu thực hiện thắng lợi dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023./.